



BÁO CÁO

**TẠO QUỸ ĐẤT CHO PHÁT TRIỂN NGUỒN GỖ NGUYÊN LIỆU
TRONG NƯỚC BỀN VỮNG PHỤC VỤ CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU**



Tô Xuân Phúc (Forest Trends)

Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Tháng 12 năm 2021

Mục lục

1. Bối cảnh	1
2. Nguồn gỗ nguyên liệu hiện đầu vào của ngành gỗ hiện nay.....	2
3. Khó khăn trong việc tạo gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn	2
4. COVID-19 và thách thức về nguồn cung gỗ nguyên liệu nhập khẩu	3
5. Vai trò của khối tư nhân trong tạo gỗ nguyên liệu rừng trồng là gỗ lớn	4
6. Thực trạng tài nguyên rừng của Việt Nam	5
6.1. Diện tích rừng theo chức năng sinh thái.....	5
6.2. Diện tích rừng phân theo nguồn gốc hình thành.....	6
6.3. Diện tích rừng phân theo nhóm chủ rừng	6
6.4. Các diện tích rừng đạt chứng chỉ	7
7. Phương án 1. Liên kết công ty – hộ để tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn có chứng chỉ.....	8
7.1. Quỹ đất trồng rừng sản xuất của hộ	8
7.2. Phát triển liên kết giữa công ty và hộ	9
8. Phương án 2. Giải phóng quỹ đất từ các công ty lâm nghiệp nhà nước	10
8.1. Thực trạng sử dụng đất của lâm trường.....	10
8.2. Giải phóng quỹ đất trong các công ty lâm nghiệp	10
9. Phương án 3. Giải phóng quỹ đất hiện xã đang quản lý.....	11
9.1. Hiện trạng nguồn quỹ đất lâm nghiệp xã đang quản lý	11
9.2. Giải phóng quỹ đất lâm nghiệp do xã quản lý.....	12
10. Phương án 4. Cải tạo nguồn đất trống/thoái hóa trong các diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.....	12
11. Các điều kiện cần và đủ để tạo quỹ đất cho phát triển trồng rừng gỗ lớn trong tương lai	13
12. Kết luận.....	15

1. Bối cảnh

Đại dịch do COVID-19 làm cho cước vận chuyển quốc tế tăng phi mã. Là ngành có độ mở rất lớn, cả ở khâu xuất khẩu các mặt hàng gỗ và khâu nhập khẩu gỗ nguyên liệu đầu vào cho chế biến, ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam đang chịu những tác động tiêu cực. Ở khâu gỗ nguyên liệu nhập khẩu, cước vận chuyển tăng đẩy giá gỗ nhập khẩu liên tục tăng. Hoạt động giãn cách tại các quốc gia cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam cũng làm cho nguồn cung giảm sút. Bùng nổ của các công trình xây dựng là kết quả của các gói kích và nguồn vốn vay lãi suất thấp nhằm giảm tác động của đại dịch đẩy cầu gỗ nguyên liệu tại các nước này gia tăng. Các yếu tố này tác động trực tiếp tới việc giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng, thời gian giao gỗ chậm. Một số doanh nghiệp phải chậm đơn hàng cho đối tác.

Chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào có vai trò sống còn cho hoạt động của doanh nghiệp chế biến xuất khẩu. Sự kéo dài của đại dịch đòi hỏi các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý cần có phương thức tiếp cận mới về tạo nguồn nguyên liệu đầu vào bền vững dựa trên nguồn gỗ rừng trồng tại Việt Nam. Báo cáo này đưa ra các thông tin về thực trạng sản xuất gỗ nguyên liệu từ rừng trồng của Việt Nam hiện nay, trọng tâm vào các lực cản trong việc tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn có chứng chỉ FSC. Dựa trên thông tin này, Báo cáo đưa ra các kiến nghị, trọng tâm vào các giải pháp tạo các nguồn quỹ đất sạch nhằm lôi kéo đầu tư từ khối tư nhân vào trồng rừng gỗ lớn. Nhu cầu tiếp cận nguồn đất nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn có chất lượng là rất hiện hữu trong nhiều doanh nghiệp. Báo cáo cho rằng khối tư nhân có tiềm năng là động lực cơ bản để có thể chuyển đổi tình trạng sản xuất gỗ rừng trồng từ gỗ nhỏ như hiện nay sang gỗ lớn trong tương lai. Tuy nhiên, để các động lực này phát huy được hiệu quả, khối tư nhân cần tiếp cận được với nguồn đất trồng rừng. Tiếp cận này có thể thực hiện theo hình thức liên kết với các hộ trồng rừng, với các công ty lâm nghiệp, Ủy ban Nhân dân xã (UBND) và tại một số Ban quản lý (BQL) rừng phòng hộ (RPH), rừng đặc dụng (RĐD) như hiện nay. Báo cáo chỉ ra bốn nguồn quỹ đất có tiềm năng là cơ hội để khối tư nhân tham gia tiếp cận trong tương lai, bao gồm:

- Đất từ các hộ gia đình, thông qua hình thức công ty liên kết với hộ
- Đất từ các công ty lâm nghiệp, thông qua hình thức công ty liên kết hoặc cho công ty giao/thuê dài hạn
- Đất do UBND xã đang quản lý, thông qua việc công ty thuê đất dài hạn
- Đất trống, rừng suy thoái không thể tự phục hồi tại một số khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, thông qua việc công ty liên kết với BQL nhằm phát triển nguồn tài nguyên rừng kết hợp với trồng gỗ lớn

Để các nguồn quỹ đất này được giải phóng khỏi tình trạng sử dụng đất hiện nay và trở thành cơ hội đầu tư cho khối tư nhân cần có các cơ chế chính sách mới mang tính đột phá của Nhà nước, cho phép thay đổi hình thức quản lý đất đai chưa hiệu quả bởi các công ty lâm nghiệp, UBND xã và tại một số BQL. Bên cạnh đó, cần có quy trình kiểm tra, giám sát chặt chẽ, với sự tham gia của bên thứ ba, nhằm đảm bảo các liên kết minh bạch, công bằng, đem lại lợi ích cho các bên tham gia. Phát triển các nguồn quỹ đất này cần đảm bảo giảm thiểu rủi ro cho nhóm yếu thế, cho tài nguyên rừng, đa dạng sinh học. Chính phủ có thể cân nhắc làm thí điểm các cơ chế này tại quy mô địa phương, với các bài học kinh nghiệm từ mô hình được đúc kết và nhân rộng trong tương lai.

Trước khi đi vào các khía cạnh này, Phần 2 cung cấp một số thông tin về nguồn gỗ nguyên liệu hiện nay của ngành gỗ.

2. Nguồn gỗ nguyên liệu hiện đầu vào của ngành gỗ hiện nay

Ngành gỗ Việt Nam đặt trọng tâm vào khâu xuất khẩu. Các cơ chế chính sách của Chính phủ đi theo hướng khuyến khích hình thành liên kết chuỗi, tạo nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn, tạo sản phẩm có trị giá tăng cao, hạn chế xuất khẩu các mặt hàng thô như dăm gỗ, gỗ tròn, gỗ xẻ. Việt Nam đang thực hiện 15 hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, với các mức thuế nhập khẩu gỗ nguyên liệu và xuất khẩu các mặt hàng gỗ hiện hầu hết ở mức 0%. Điều này tạo ra lợi thế mở rộng thương mại cho ngành. Trong những năm vừa qua kim ngạch xuất khẩu của ngành luôn tăng trưởng ở mức 2 con số. Ngành gỗ là một trong 5 ngành mang lại giá trị xuất khẩu lớn nhất cho Việt Nam.

Phát triển của ngành gỗ trong thời gian vừa qua có vai trò quan trọng của nguồn gỗ nguyên liệu, bao gồm gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng trong nước. Chính phủ đang thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên. Cung gỗ (chính thức) từ nguồn này từ lâu không còn tồn tại.¹ Lệnh đóng cửa rừng sẽ được tiếp tục duy trì ít nhất cho đến 2030.² Bình quân mỗi năm nhập khẩu khoảng 5-6 triệu m³ (quy tròn) gỗ tròn và gỗ xẻ.³ Con số thống kê của ngành Lâm nghiệp cho thấy lượng gỗ khai thác từ rừng trồng lớn, khoảng trên 20 triệu m³ mỗi năm, tuy nhiên phần lớn là gỗ nhỏ được sử dụng làm nguyên liệu dăm. Nguồn gỗ từ các vườn cao su thanh lý và cây phân tán khoảng 8-9 triệu m³ mỗi năm và ngày càng trở nên quan trọng cho chế biến. Nguồn gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng trong nước được đưa vào chế biến phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

3. Khó khăn trong việc tạo gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn

Chính phủ mong muốn tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn nhằm đưa vào sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, có giá trị gia tăng cao, thay vì nguồn gỗ nhỏ sử dụng làm nguyên liệu dăm như hiện nay. Thực hiện mong muốn này, Chính phủ thực hiện các cơ chế, chính sách đa dạng, bao gồm cả khuyến khích (củ cà rốt) và hạn chế (cây gậy). Tạo nguồn giống cây con chất lượng cao, tăng cường công tác khuyến lâm, hỗ trợ tài chính cho các hộ trồng rừng gỗ lớn, khuyến khích doanh nghiệp chế biến đầu tư vào các vùng nguyên liệu là các công cụ “củ cà rốt” được Chính phủ áp dụng trong thời gian vừa qua. Chính phủ áp dụng mức thuế xuất khẩu 2% đối với dăm gỗ, 25% đối với gỗ xẻ và cấm xuất khẩu gỗ tròn là công cụ “cây gậy” của Chính phủ. Chính phủ kỳ vọng các công cụ này sẽ giúp tạo nguồn gỗ lớn từ rừng trồng.

Lượng dăm gỗ xuất khẩu của Việt Nam có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng lớn và có xu hướng tăng cho thấy hạn chế của cây gậy và của củ cà rốt trong việc tạo nguồn gỗ rừng trồng gỗ lớn. Các nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc tạo nguồn gỗ lớn từ rừng trồng đa dạng, bao trùm cả các hạn chế của cơ chế cây gậy và củ cà rốt. Một số nguyên nhân chính bao gồm:

¹ Hiện vẫn còn tình trạng khai thác gỗ lậu ở một số địa phương. Theo thống kê của các cơ quan quản lý quy mô của tình trạng này là nhỏ.

² Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp đến 2030 và Tầm nhìn đến 2050 nêu rõ chính sách đóng cửa rừng tự nhiên sẽ tiếp tục được duy trì cho tới 2030: <https://tongcuclamnghiep.gov.vn/LamNghiep/Index/quyet-dinh-so-523qd-ttg-cua-thu-tuong-chinh-phu-ngay-0142021-phe-duyet-chien-luoc-phat-trien-lam-nghiep-viet-nam-giai-doan-2021-2030-tam-nhin-de-4340>. Báo cáo Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam 2021-2030: <https://www.mard.gov.vn/VanBanLayYKien/VBPLFile/BC-CL-2020-2050.pdf>.

³

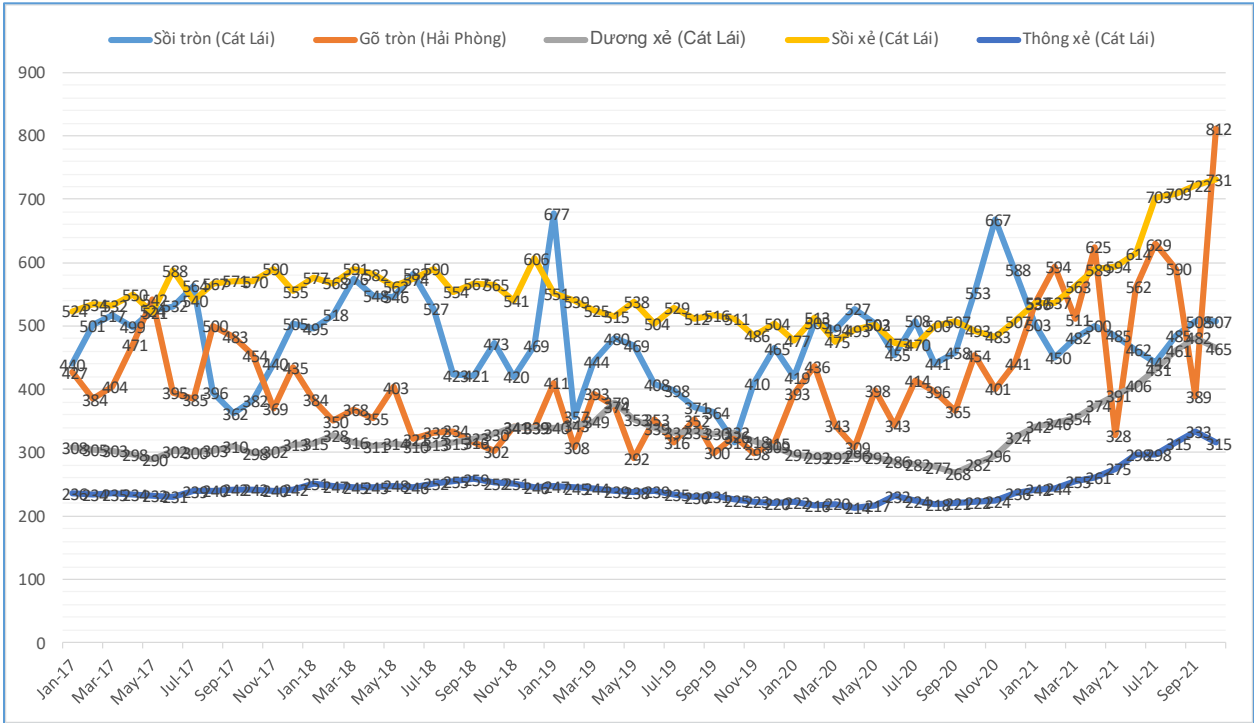
https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/1626947564_BC%20XNK%20G.SPG%20Nam%202020_FINAL.pdf

- Đối với nhiều hộ trồng rừng lợi ích kinh tế của trồng rừng gỗ lớn vẫn thấp hơn trồng rừng làm nguyên liệu dăm.
- Các hỗ trợ của Chính phủ chưa đủ hấp dẫn để hộ trồng rừng chuyển đổi sang trồng rừng gỗ lớn.
- Tiếp cận với nguồn hỗ trợ của Chính phủ nhằm phát triển gỗ lớn còn khó khăn do các hộ không đáp ứng được tiêu chí hỗ trợ.
- Nhiều hộ trồng rừng thiếu nguồn lực tài chính nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn.
- Khâu kiểm soát chất lượng giống cây con và kỹ thuật khuyến lâm còn hạn chế.
- Tâm lý lo sợ rủi ro do thiên tai đối với rừng trồng chu kỳ dài của các hộ trồng rừng .
- Năng lực chế biến sâu tại các vùng nguyên liệu rừng trồng hạn chế. Chi phí vận chuyển gỗ lớn từ các vùng nguyên liệu (Đông Bắc, Bắc Trung Bộ) tới các vùng có các nhà máy chế biến sâu (Đông Nam Bộ) quá cao.
- Đối với một số doanh nghiệp chế biến, lợi ích kinh tế khi sử dụng gỗ nguyên liệu nhập khẩu lớn hơn khi sử dụng gỗ rừng trồng trong nước.

4. COVID-19 và thách thức về nguồn cung gỗ nguyên liệu nhập khẩu

Đại dịch do COVID-19 bắt đầu xuất hiện và lây lan rộng ở các nước từ Quý 2 năm 2020 cho đến nay. Đại dịch COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung, làm chi phí vận chuyển quốc tế tăng phi mã. Đại dịch cũng gây ra khó khăn trong khâu khai thác, vận chuyển tại các quốc gia có nguồn gỗ nguyên liệu xuất khẩu, từ đó làm hạn chế nguồn cung gỗ nguyên liệu nhập khẩu cho Việt Nam. Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng liên tục trong thời gian gần đây. Hình 1 chỉ ra xu thế này được thống kê theo tháng đối với một số loài gỗ được nhập khẩu vào Việt Nam với lượng lớn. Bảng 1 chỉ ra xu hướng tăng về giá nhập khẩu theo năm.

Hình 1. Giá nhập khẩu một số loài gỗ tại một số cảng chính của Việt Nam (USD/m3)



Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan.

Bảng 1. Giá bình quân của một số loài gỗ nhập khẩu vào Việt Nam với lượng lớn (USD/m³)

Loài gỗ	2017	2018	2019	2020	10 tháng 2021
Gỗ Sồi tròn (cảng Cát Lái)	464	495	486	501	481
Gỗ gõ tròn (cảng Hải Phòng)	444	349	344	386	541
Gỗ dương xẻ (cảng Cát Lái)	303	321	337	290	407
Gỗ Sồi xẻ (cảng Cát Lái)	554	572	519	492	631
Gỗ Thông xẻ (cảng Cát Lái)	237	250	234	222	275

Nguồn: Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan.

Giá gỗ nhập khẩu tăng (cùng với các loại chi phí đầu vào sản xuất khác) làm tăng giá thành sản xuất. Hiện giá gỗ nhập khẩu chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Khan hiếm về container làm chậm thời gian giao hàng. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu trong ngành hiện đối mặt với khó khăn như thiếu hụt nguồn gỗ nhập khẩu, giảm lợi nhuận, chậm thời gian giao hàng. Theo một số doanh nghiệp, có thể sẽ thiếu hụt một số loài gỗ nhập khẩu trong Quý 1 năm 2022.

Các khó khăn nêu trên đặt ra một số câu hỏi quan trọng cho ngành gỗ hiện nay

- Ngành cần làm gì để chủ động được nguồn nguyên liệu trong tương lai?
- Nguồn gỗ từ rừng trồng trong nước có thể thay thế nguồn gỗ nhập khẩu? Nếu có thì tỷ lệ thay thế được bao nhiêu?
- Cần làm gì để có thay đổi đột phá nhằm tạo nguồn gỗ nguyên liệu từ rừng trồng là gỗ lớn trong tương lai?

5. Vai trò của khối tư nhân trong tạo gỗ nguyên liệu rừng trồng là gỗ lớn

Chủ động về nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho chế biến đóng vai trò sống còn để duy trì và phát triển ngành. Tạo nguồn gỗ lớn từ rừng trồng trong trực tiếp góp phần giúp ngành gỗ chủ động nguồn nguyên liệu. Tuy nhiên, để tạo được nguồn gỗ này đòi hỏi những giải pháp căn bản đối với các vấn đề nêu ra trong Phần 2 ở trên. Một trong số các giải pháp là kêu gọi sự tham gia của các công ty tư nhân (khối tư nhân) đầu tư vào phát triển rừng trồng gỗ lớn. Hiện nhiều công ty trong ngành đang mong muốn chủ động sản xuất gỗ nguyên liệu từ rừng trồng trong nước có chất lượng (gỗ lớn, gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC) để sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Thế mạnh của khối tư nhân khi tham gia vào khâu tạo gỗ rừng trồng có chất lượng bao gồm:

- Có nguồn lực về tài chính đầu tư vào trồng rừng với chu kỳ dài tạo gỗ lớn.
- Có kỹ năng và trình độ quản lý và khoa học kỹ thuật từ khâu giống, chăm sóc vườn cây tới khâu khai thác giúp nâng cao năng suất của gỗ rừng trồng.
- Bao tiêu đầu ra sản phẩm khi khai thác.

Tuy nhiên, khối tư nhân hiện nay không thể tiếp cận đối với nguồn đất trồng rừng, bởi các diện tích hiện tại đã được giao cho các hộ và /hoặc hiện đang được các công ty lâm nghiệp của Nhà nước nắm giữ. Bên cạnh đó, một số diện tích đất có tiềm năng phát triển rừng trồng nhưng hiện đang được tạm giao cho các Ủy ban Nhân dân xã quản lý.

Khối tư nhân có tiềm năng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp thông qua việc áp dụng các thế mạnh của mình được nêu trên. Các thế mạnh này chỉ có thể phát huy nếu khối tư nhân có thể tiếp cận

được với nguồn quỹ đất trồng rừng. Có bốn phương án khối tư nhân có thể tiếp cận với nguồn quỹ đất trong tương lai, bao gồm:

- Liên kết với các hộ có đất
- Liên kết hoặc thuê dài hạn nguồn quỹ đất hiện các lâm trường đang nắm giữ
- Thuê dài hạn nguồn quỹ đất có thể phát triển rừng trồng hiện mà xã đang quản lý
- Thuê dài hạn nguồn đất trống đang được các ban quản lý rừng phòng hộ nắm giữ

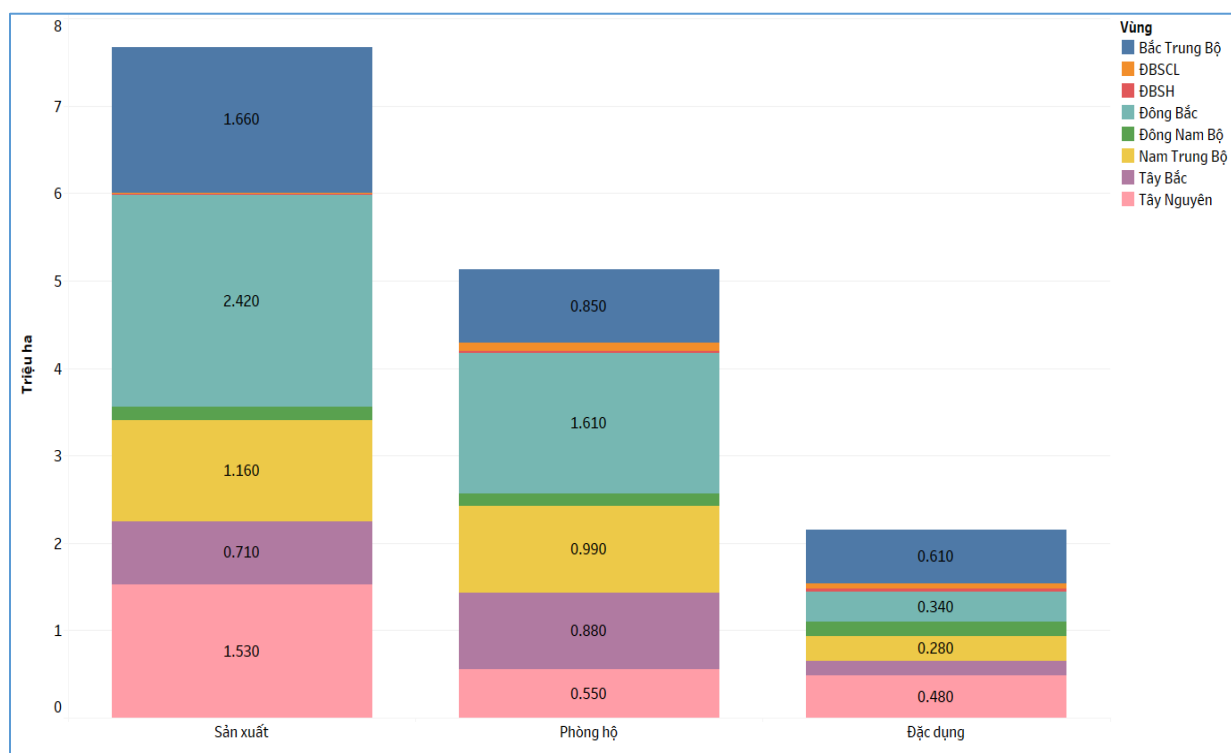
Trước khi đi vào chi tiết từng phương pháp, Phần 6 dưới đây đưa ra một số thông tin cơ bản về thực trạng nguồn tài nguyên rừng ở Việt Nam.

6. Thực trạng tài nguyên rừng của Việt Nam

6.1. Diện tích rừng theo chức năng sinh thái

Con số thống kê chính thức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) cho thấy hiện Việt Nam có tổng gần 14,7 triệu ha rừng.⁴ Theo chức năng, diện tích này được chia thành rừng phòng hộ (4,65 triệu ha, 31,8% trong tổng diện tích), rừng đặc dụng (2,16 triệu ha, 14,8%) và rừng sản xuất (7,8 triệu ha, 53,4%) (Hình 2). Rừng sản xuất là -- nguồn nơi gỗ nguyên liệu cho ngành chế biến -- chủ yếu tập trung ở vùng Đông Bắc (2,42 triệu ha), Bắc Trung Bộ (1,66 triệu ha) và Tây Nguyên (1,53 triệu ha). Tuy nhiên, các diện tích rừng sản xuất tại khu vực Bắc Trung Bộ và đặc biệt tại Tây Nguyên là rừng tự nhiên và trong bối cảnh Chính phủ đang thực hiện lệnh đóng cửa rừng tự nhiên, cung gỗ từ khu vực này hạn chế.

Hình 2. Diện tích rừng của Việt Nam theo chức năng và vùng sinh thái (triệu ha)



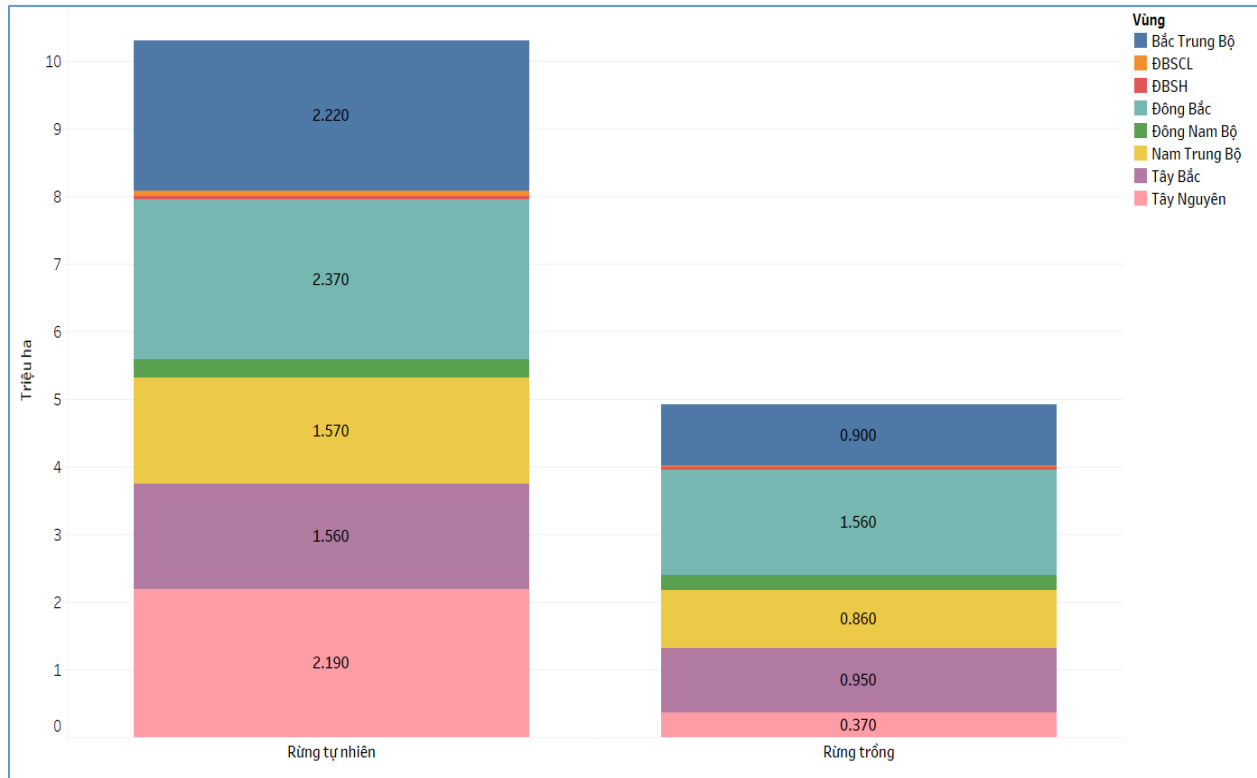
Nguồn: Bộ NN & PTNT 2020.

⁴ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-1558-QĐ-BNN-TCLN-2021-cong-bo-hien-trang-rung-toan-quoc-nam-2020-470677.aspx>

6.2. Diện tích rừng phân theo nguồn gốc hình thành

Trong gần 14,7 triệu ha rừng hiện nay, 10,3 triệu ha là rừng tự nhiên (70% trong tổng diện tích). Phần còn lại (4,3 triệu ha, 30%) là rừng trồng. Phân bố các diện tích rừng này khác nhau giữa các vùng sinh thái (Hình 3).

Hình 3. Diện tích rừng phân theo nguồn gốc hình thành (triệu ha)



Nguồn: Bộ NN & PTNT 2020.

6.3. Diện tích rừng phân theo nhóm chủ rừng

Bảng 2 đưa ra các con số diện tích rừng chia theo nhóm chủ rừng. Các ban quản lý (BQL) rừng phòng hộ và đặc dụng nắm giữ các diện tích rừng lớn nhất, chiếm 35% trong tổng diện tích rừng (Hình 4). Tiếp đến là các hộ gia đình (22%), các tổ chức kinh tế (công ty lâm nghiệp) (12%). Diện tích rừng chưa giao hiện đang tạm giao cho UBND xã quản lý lớn, chiếm 20% trong tổng diện tích.

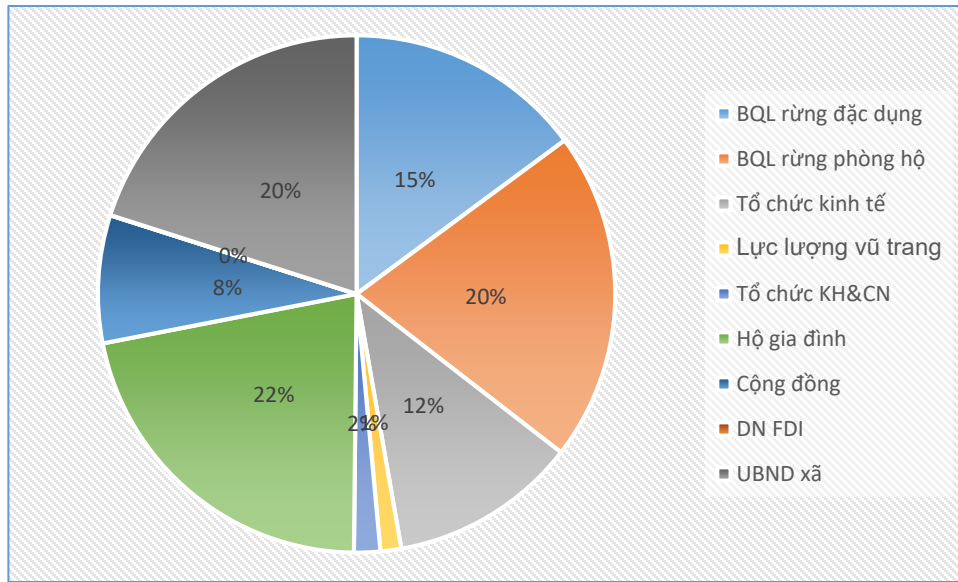
Bảng 2. Diện tích rừng theo các nhóm chủ rừng (triệu ha)

Loại rừng	Tổng	BQL rừng đặc dụng	BQL rừng phòng hộ	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KH&CN	Hộ gia đình	Cộng đồng	DN FDI	UBND xã
Tổng DT	14,68	2,18	3,02	1,72	0,19	0,24	3,19	1,17	0,002	2,94
Rừng TN	10,28	2,09	2,52	1,10	0,12	0,11	1,32	1,10	0,0008	1,92
Rừng trồng	4,4	0,01	0,51	0,62	0,064	0,13	1,87	0,07	0,001	1,02

Bộ NN & PTNT 2021.⁵ * Các con số trong bảng được làm tròn.

⁵ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-1558-QĐ-BNN-TCLN-2021-cong-bo-hien-trang-rung-toan-quooc-nam-2020-470677.aspx>

Hình 4. Tỷ trọng diện tích rừng theo các nhóm chủ rừng năm 2020



Nguồn: Bộ NN & PTNT 2021

6.4. Các diện tích rừng đạt chứng chỉ

Chính phủ đã và đang khuyến khích phát triển rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC, PEFC) bởi nhu cầu về gỗ có chứng chỉ sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các mặt hàng xuất khẩu cao và ngày càng tăng. Thống kê từ Tổng cục Lâm nghiệp cho thấy đến hết tháng 8 năm 2021 tổng số diện tích rừng có chứng chỉ tại Việt Nam đạt trên 307.000 ha, trong đó bao gồm 40.000 ha rừng tự nhiên, còn lại là rừng trồng (Bảng 3). Đến nay, diện tích rừng có chứng chỉ chiếm 8,4% trong tổng diện tích rừng trồng của cả nước.

Bảng 3. Các diện tích rừng đạt chứng chỉ tại Việt Nam theo vùng

TT	Vùng	Số chứng chỉ	Diện tích đã cấp chứng chỉ đến 08/2021			Loai chứng chỉ	Loài cây	Chủ rừng
			Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng			
I	Tây Bắc	1	6.314	-	6.314	FSC	Keo	Công ty
II	Đông Bắc	23	85.549	5.178	80.371	FSC	Keo	Công ty, Nhóm hộ
III	Bắc Trung Bộ	21	79.046	30.889	48.157	FSC, PEFC	Keo, rừng TN, tre	Nhóm hộ, công ty, BQL rừng PH
IV	Nam Trung Bộ	9	33.503	499	33.004	FSC	Keo	Công ty, nhóm hộ
V	Tây Nguyên	7	24.718	486	24.232	FSC, PEFC	Keo, Cao Su	Công ty

VI	Đông Nam Bộ	12	77.227	3.043	74.184	PEFC, FC	Cao su, keo	Công ty
VII	Tây Nam Bộ	1	752	-	752	FSC	Keo	Công ty
Tổng diện tích toàn quốc		75	307.110	40.095	267.015			

Nguồn: Thống kê chưa công bố của Tổng cục Lâm nghiệp, 2022

Hiện có 31 tỉnh trong cả nước đã có diện tích rừng có chứng chỉ, trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng Đông Bắc. Trong số tất cả các tỉnh có các diện tích rừng có chứng chỉ có 9 tỉnh có diện tích rừng có chứng chỉ từ 10.000 ha trở lên.

Nhu cầu gỗ nguyên liệu rừng trồng có chứng chỉ lớn. Gỗ từ nguồn này được sử dụng để sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, sản xuất gỗ dán, MDF, viên nén và dăm gỗ phục vụ xuất khẩu. Nhìn chung, gỗ nguyên liệu có chứng chỉ mang lại lợi ích kinh tế cao hơn cho người trồng rừng.

Tuy nhiên, các diện tích rừng có chứng chỉ hiện đạt thấp làm hạn chế cơ hội đem lại nguồn thu nhập cho các hộ trồng rừng, hạn chế mở rộng xuất khẩu.

Phần 6 dưới đây thảo luận về Phương án 1 -- công ty kết hợp với hộ trồng rừng trong việc tạo nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ trong tương lai (Phương án 1).

7. Phương án 1. Liên kết công ty – hộ để tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn có chứng chỉ.

7.1. Quỹ đất trồng rừng sản xuất của hộ

Trong tổng số 3,19 triệu ha đất rừng đã giao cho hộ đến nay, diện tích rừng trồng là rừng sản xuất của hộ là 1,45 triệu ha hiện đang được nắm giữ bởi 1,1 triệu hộ. Số diện tích còn lại của hộ là rừng tự nhiên. Chính sách đóng cửa rừng tự nhiên của Chính phủ đồng nghĩa với việc hộ không thể tiếp cận với nguồn gỗ từ các diện tích rừng tự nhiên này.

Tỷ trọng giao đất trồng rừng cho các hộ khác nhau giữa các địa phương (Bảng 4). Vùng Đông Bắc là nơi có số hộ nhiều nhất và hiện đang quản lý các diện tích rừng trồng lớn nhất. Tiếp đến là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Bảng 4. Diện tích rừng trồng là rừng sản xuất của các hộ theo vùng

Vùng	Diện tích (ha)	Số hộ
Tây Bắc	105.212	129.868
Đông Bắc	674.244	545.321
Sông Hồng	5.351	6.594
Bắc Trung Bộ	380.319	236.807
Duyên Hải	236.454	153.057
Tây Nguyên	14.002	12.944
Đông Nam Bộ	9.605	13.425
Tây Nam Bộ	26.732	6.562

Nguồn: Thống kê chưa công bố của Tổng cục Lâm nghiệp, 2020

Nhìn chung, hiệu quả sử dụng đất của các hộ chưa cao, bởi một số khó khăn như hộ thiếu tiếp cận nguồn vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, trình độ quản lý, thị trường đầu ra sản phẩm, tâm lý lo ngại rủi ro thiên tai như đã đề cập ở trên. Với các hạn chế này, hầu hết các hộ không có khả năng làm chứng chỉ quản lý rừng bền vững nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Liên kết với doanh nghiệp có thể giúp giảm thiểu các hạn chế nào, có tiềm năng trong việc gỗ rừng trồng gỗ lớn trong tương lai.

7.2. Phát triển liên kết giữa công ty và hộ

Mô hình công ty liên kết với các hộ trồng rừng để đạt gỗ có chứng chỉ FSC hiện đã hình thành ở một số địa phương. Các mô hình đang hoạt động hiện nay bao gồm công ty Scancia Pacific đang kết hợp với các hộ trồng rừng tại Thừa Thiên Huế, Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Hòa Phát đang kết hợp với các hộ tại 5 tỉnh phía Bắc, Công ty Biomas Fuel Việt Nam đang kết hợp với các hộ tại Nghệ An. Tuy nhiên, quy mô liên kết hiện nay còn hạn chế. Một số khó khăn trong việc mở rộng mô hình bao gồm:

Đối với các hộ

- Không có thông tin và kết nối trực tiếp với doanh nghiệp;
- Tâm lý e ngại khi tham gia liên kết;
- Không có kiến thức về các khía cạnh quyền lợi và trách nhiệm trong liên kết;
- Không có người đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp khi tham gia liên kết;
- Chưa tạo được thế chủ động trong liên kết;

Đối với công ty

- Khó khăn trong tìm kiếm, tiếp cận thông tin về các hộ muốn tham gia hợp tác ;
- Khó tìm được nguồn quỹ đất từ các hộ đủ lớn như mong muốn của doanh nghiệp ;
- Chi phí giao dịch cao, bởi diện tích của các hộ nhỏ lẻ, số hộ lớn;
- Thiếu hỗ trợ của chính quyền địa phương trong liên kết;
- Tâm lý e ngại rủi ro khi tham gia hợp tác với người dân;

Mở rộng mô hình liên kết đòi hỏi các hạn chế nêu trên được giải quyết thấu đáo. Giải quyết các khó khăn nêu trên không chỉ đòi hỏi các nỗ lực của các hộ trồng rừng và doanh nghiệp, mà còn đòi hỏi sự vào cuộc của các cơ quan quản lý, đặc biệt là Chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương nên coi việc kết nối người dân với doanh nghiệp, thúc đẩy mô hình liên kết là nhiệm vụ chính trị của mình. Cụ thể, *Chính quyền địa phương* có tiềm năng trong việc:

- Thống kê nguồn quỹ đất của các hộ mong muốn tham gia liên kết;
- Tìm kiếm doanh nghiệp mong muốn thực hiện liên kết;
- Cùng với hộ, tham gia vào việc đàm phán với doanh nghiệp trong việc hình thành liên kết, bao gồm các khía cạnh về trách nhiệm và quyền lợi của các bên khi tham gia liên kết;
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bên tham gia liên kết, đặc biệt là quyền lợi của các hộ khi tham gia.
- Tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách và ngoài ngân sách, nhằm giúp các hộ khi tham gia liên kết;
- Kêu gọi các bên liên quan, bao gồm các tổ chức phát triển cộng đồng, hỗ trợ hộ khi tham gia liên kết nhằm đảm bảo liên kết bình đẳng, đôi bên cùng có lợi.

Để tránh rủi ro cho hộ, là nhóm yếu thế, khi tham gia liên kết Chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các bên liên quan khác cần đảm bảo rằng các hộ luôn nắm giữ quyền sử dụng trong liên kết. Quyền về đất đai này của người dân cần được Chính quyền bảo vệ một cách chắc chắn. Điều này sẽ giúp hộ tránh được rủi ro trong việc mất đất khi tham gia hợp tác kinh doanh cùng doanh nghiệp.

8. Phương án 2. Giải phóng quỹ đất từ các công ty lâm nghiệp nhà nước

8.1. Thực trạng sử dụng đất của lâm trường

Hiện Việt Nam có 112 công ty lâm nghiệp (còn gọi là lâm trường). Bảng 5 chỉ ra diện tích đất lâm nghiệp hiện các công ty này đang quản lý lớn, bao gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng.

Bảng 5. Diện tích đất lâm nghiệp hiện trong các công ty lâm nghiệp hiện nay (ha)

Công ty	Rừng SX là rừng TN	Rừng SX là rừng trồng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng TN	Rừng PH đất trống
Tổng cty giấy (15 công ty)	1.651	29.720	427	529	0
Công ty giấy Miền Nam	0	7.827	0	0	0
Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (VINAFOR)	1.016	23.433	0	71	263
Công ty lâm nghiệp các địa phương (30 tỉnh)	856.709	258.129	35.835	230.892	18.655
Tổng	859.377	331.283	36.260	231.492	18.918

Nguồn: Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp tới 2030

Ít nhất một số diện tích đất lâm nghiệp nằm trong các công ty lâm nghiệp hiện nay chưa được sử dụng một cách hiệu quả. Một số diện tích hiện nay đang chông lẩn, hoặc đang tranh chấp với các hộ lân cận và cộng đồng lân cận. Một số diện tích đã được người dân sử dụng lâu dài. Một số diện tích chưa có giấy chứng nhận sử dụng đất (sổ đỏ), hoặc đã có sổ nhưng ranh giới trên sổ không phản ánh ranh giới trên thực tế. Một số công ty lâm nghiệp giao khoán lại đất cho các hộ theo hình thức “phát canh thu tô” như một số phản ánh của cơ quan báo chí.

8.2. Giải phóng quỹ đất trong các công ty lâm nghiệp

Chính phủ cần có chính sách đột phá nhằm giải phóng các diện tích đất nằm trong các công ty lâm nghiệp hiện nay, đặc biệt đối với các diện tích đất rừng sản xuất là rừng trồng, và đối với các diện tích đất trống (Bảng 5). Giải phóng các diện tích đất này tạo cơ hội cho khối tư nhân tham gia vào phát triển trồng rừng gỗ lớn theo hướng ưu tiên (a) cho các doanh nghiệp thuê đất dài hạn để phát triển trồng rừng gỗ lớn hoặc /và (b) tạo cơ chế khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với các công ty lâm nghiệp. Các bước thực hiện nhằm giải phóng và nâng cao giá trị sử dụng đất của nguồn quỹ đất này bao gồm:

- Cơ quan quản lý thực hiện rà soát thực trạng sử dụng đất hiện tại của các công ty lâm nghiệp.
- Đối với các diện tích có tranh chấp lâu dài với người dân, ưu tiên giao lại cho người dân sử dụng lâu dài, đúng mục đích.
- Đối với các diện tích sử dụng sai mục đích (ví dụ các diện tích phát canh, thu tô) tiến hành thu hồi đất.
- Cổ phần hóa các công ty lâm nghiệp. Sử dụng một phần quỹ đất cấp cho các hộ nghèo, thiếu đất sản xuất hiện đang sống tại khu vực lân cận. Cấp đất cho các hộ là công nhân công ty lâm nghiệp nhằm tạo quỹ đất sản xuất.
- Tạo nguồn quỹ đất sạch, ưu tiên cho doanh nghiệp thuê trong dài hạn theo hình thức nhằm tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn. Ưu tiên các doanh nghiệp:
 - Hợp tác với dân (theo hình thức dân góp đất) nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn.
 - Đầu tư chuỗi tại địa phương, bao gồm trồng rừng và thiết lập các cơ sở chế biến sâu tại chỗ.

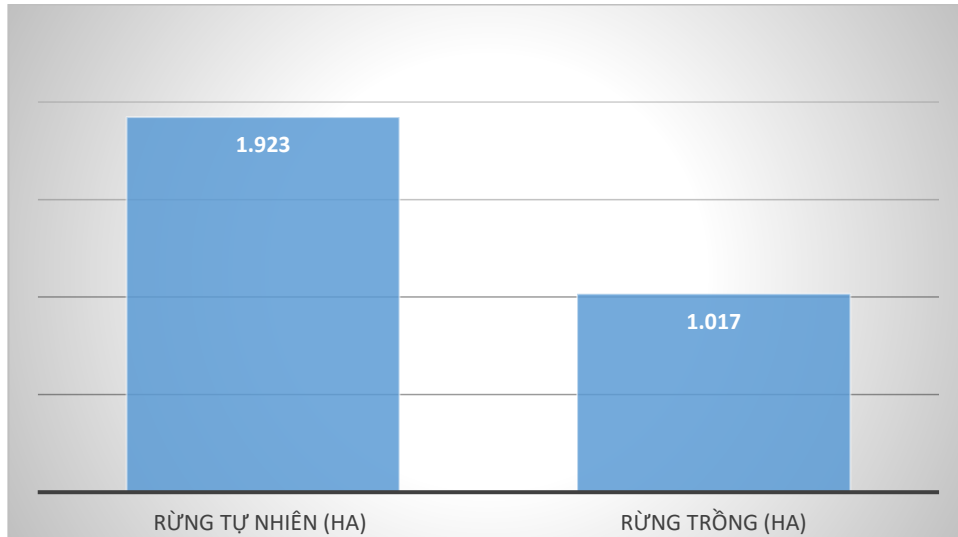
Giải phóng nguồn quỹ đất từ các công ty lâm nghiệp có thể tiến hành theo phương thức làm thí điểm. Chính phủ /Chính quyền địa phương có thể lựa chọn 1-3 doanh nghiệp để thực hiện thí điểm cơ chế này. Các bài học thu thập được từ mô hình thí điểm cần được tổng kết nhằm xây dựng khung chính sách quốc gia nhằm nhân rộng mô hình trong tương lai.

9. Phương án 3. Giải phóng quỹ đất hiện xã đang quản lý

9.1. Hiện trạng nguồn quỹ đất lâm nghiệp xã đang quản lý

Trong tổng số 2,94 triệu ha đất lâm nghiệp hiện đang tạm giao cho UBND xã quản lý (Bảng 2), khoảng 1 triệu ha là rừng trồng (34%); phần còn lại là rừng tự nhiên (1,91 triệu ha) (Hình 5).

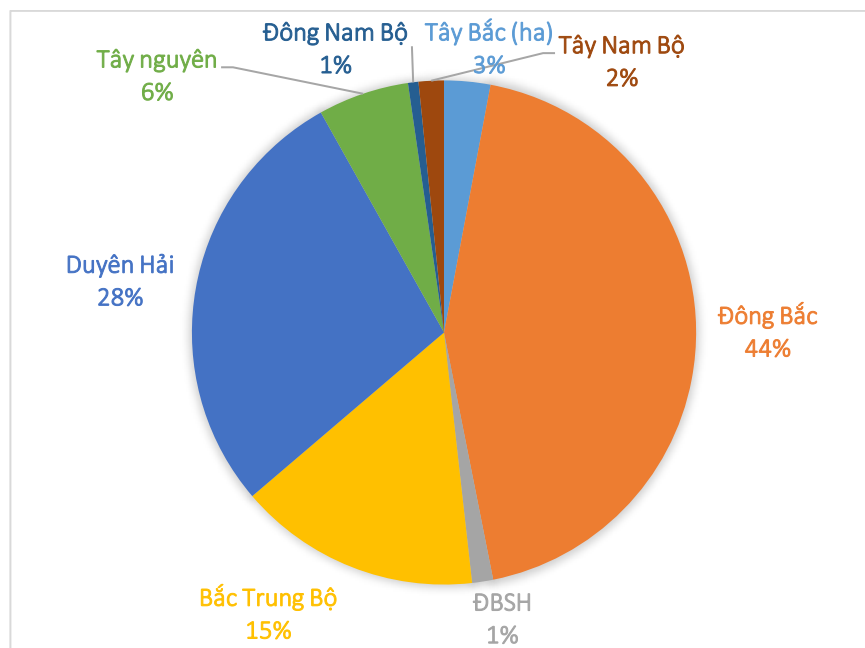
Hình 5. Diện tích rừng do xã quản lý phân theo nguồn gốc hình thành (triệu ha)



Nguồn: Bộ NN & PTNT 2021

Vùng Đông Bắc, Duyên Hải và Bắc Trung Bộ là các địa bàn có diện tích đất do xã quản lý có diện tích lớn nhất (Hình 6), với tổng diện tích của 3 vùng này chiếm 87% trong tổng diện tích đất hiện xã đang quản lý.

Hình 6. Tỷ trọng diện tích đất lâm nghiệp do xã đang quản lý theo vùng



Nguồn: Bộ NN & PTNT 2021

Thông tin về tình trạng sử dụng đất của các diện tích đất do xã quản lý hiện chưa rõ ràng. Trong hội thảo ngày 30/9 vừa qua do Trung tâm Con người và Thiên nhiên và Hội Chủ rừng tổ chức, tập trung vào nguồn quỹ đất này, các đại biểu tham gia hội thảo chia sẻ rằng tình trạng chặt phá rừng, vi phạm lâm luật đối với một số diện tích rừng do xã quản lý rất đáng báo động, chất lượng rừng kém, tỷ lệ diện tích không có rừng cao, không có hồ sơ rừng, không có ranh giới trên thực địa. Nhiều diện tích đã bị người dân sử dụng canh tác từ lâu. Do vậy, các con số thống kê của cơ quan quản lý hiện nay đối với các diện tích đất rừng này không sát với thực tế.

9.2. Giải phóng quỹ đất lâm nghiệp do xã quản lý

Các diện tích đất do xã quản lý, đặc biệt là các diện tích đất trống đồi trọc, đất rừng trồng có tiềm năng trong việc tạo nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn bằng việc cho doanh nghiệp thuê lâu dài để trồng rừng. Các bước nhằm đưa quỹ đất này vào sản xuất gỗ lớn bao gồm:

- Cơ quan chức năng thực hiện rà soát hiện trạng sử dụng đất;
- Bóc tách các diện tích có tranh chấp. Đối với các diện tích đất hộ đã sử dụng canh tác lâu dài, làm thủ tục giao dài hạn cho hộ. Khuyến khích hộ góp đất liên kết với công ty trong việc sản xuất gỗ lớn;
- Tạo nguồn đất sạch, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư trồng rừng gỗ lớn theo hình thức đấu giá công khai. Ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư theo chuỗi, đặt cơ sở chế biến sâu tại địa phương. Ưu tiên các doanh nghiệp liên kết với các hộ trong địa phương để phát triển rừng trồng gỗ lớn.

Tương tự như đối với nguồn quỹ đất từ các công ty lâm nghiệp, Chính phủ /Chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn các mô hình thí điểm để thực hiện mục tiêu này. Việc nhân rộng mô hình cần dựa trên các bài học kinh nghiệm tích lũy thì việc thí điểm.

10. Phương án 4. Cải tạo nguồn đất trống/thoái hóa trong các diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng lớn, chiếm 35% trong tổng diện tích rừng của cả nước. Một phần trong số diện tích này là đất trống và rừng suy thoái. Chính phủ cần đưa các diện tích đất trống, rừng suy thoái không thể phục hồi vào phát triển rừng trồng kết hợp với các cây trồng bản địa. Để tránh tình trạng lạm dụng chính sách, quy trình từ lúc khảo sát nguồn gỗ rừng trồng khi đến chu kỳ khai thác cần tuân thủ quy trình nghiêm ngặt và chịu sự giám sát chặt chẽ của các bên liên quan.

Để đưa nguồn quỹ đất này vào sử dụng cần thực hiện một số bước sau:

- Đánh giá hiện trạng đối với các diện tích đất có tiềm năng đưa vào trồng rừng. Đánh giá cần thực hiện độc lập để đảm bảo tính khách quan. Kinh phí đánh giá do cơ quan quản lý cấp, sẽ có thể được bù đắp lại khi có nguồn thu từ tiền thuê đất sau này. Đánh giá cần quan tâm tới cả khía cạnh tài nguyên đa dạng sinh học và tác động của việc phát triển rừng trên các diện tích đất này tới đa dạng sinh học.
- Xác định các diện tích có thể cần cải tạo /phát triển rừng trồng kết hợp với các cây bản địa.
- Dựa trên cơ sở khoa học cơ quan quản lý đưa ra quy trình chặt chẽ đối với thành phần các loài cây trồng trên các diện tích này, quy trình chăm sóc và khai thác. Khai thác gỗ chỉ nên thực hiện theo phương thức khai thác tác động thấp, đối với gỗ rừng trồng. Toàn bộ các cây bản địa được giữ lại làm giàu rừng.
- Quá trình khai thác gỗ rừng trồng cần có sự giám sát chặt chẽ của bên liên quan, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên rừng.

11. Các điều kiện cần và đủ để tạo quỹ đất cho phát triển rừng trồng gỗ lớn trong tương lai

Thông tin từ Phần 6 đến Phần 9 chỉ ra thực trạng và từ đó đưa ra các kiến nghị về mặt giải pháp nhằm tạo nguồn quỹ đất nhằm lôi kéo khối tư nhân thực hiện đầu tư có trách nhiệm nhằm tạo nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trong tương lai. Bốn phương án tạo nguồn quỹ đất đã được nêu ra, bao gồm (a) từ nguồn đất rừng của hộ, (b) từ nguồn quỹ đất tại các công ty lâm nghiệp, (c) từ diện tích đất do UBND xã đang quản lý, và (d) từ các diện tích đất trống, đất rừng suy thoái tại các khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Bảng 6 tóm tắt hiện trạng sử dụng đất của từng nguồn đất này và các kiến nghị giải pháp trong việc huy động nguồn quỹ đất này để phát triển rừng trồng gỗ lớn. Để những phương án này thành công đòi hỏi có sự phân định trách nhiệm, quyền lợi rõ ràng và hợp tác bình đẳng các bên tham gia. Cần thiết lập các cơ chế quản lý, giám sát chặt chẽ, đảm bảo không có sự lạm dụng chính sách trong quá trình thực hiện và bảo vệ nhóm yếu thế khi tham gia liên kết.

Bảng 6. Các phương án tạo nguồn quỹ đất trồng rừng gỗ lớn tại Việt Nam trong tương lai

Nguồn quỹ đất	Thực trạng	Giải pháp	Vai trò các bên tham gia	Điều kiện cần	Điều kiện đủ
Quỹ đất từ các hộ	<ul style="list-style-type: none"> Hạn chế nguồn lực, tâm lý sợ rủi ro, thiếu tiếp cận thị trường, lợi ích kinh tế chưa rõ ràng cản trở hộ đầu tư trồng rừng gỗ lớn Lợi thế về nguồn lực con người, kỹ thuật và tài chính tuy nhiên khó tiếp cận quỹ đất từ góc độ công ty 	<ul style="list-style-type: none"> Hình thành và phát triển liên kết giữa hộ (nhóm hộ hoặc /và hợp tác xã) và công ty để phát triển rừng trồng gỗ lớn 	<ul style="list-style-type: none"> Các hộ có đất liên kết thành lập nhóm/HTX, góp đất/quyền sử dụng đất và lao động cùng với công ty tham gia liên kết trồng rừng gỗ lớn Công ty sử dụng nguồn lực và thế mạnh của mình, hợp tác với các hộ có đất phát triển rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ 	<ul style="list-style-type: none"> Hộ có đất và quyền sử dụng đất (sổ đỏ) mong muốn tham gia hợp tác trồng rừng gỗ lớn Công ty có nhu cầu hợp tác với hộ trên nguyên tắc cùng có lợi, hình thành liên kết lâu dài Hợp đồng liên kết rõ ràng, minh bạch, đôi bên cùng có lợi, mục tiêu hợp tác lâu dài 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương vào cuộc, hỗ trợ hộ và công ty tham gia hình thành liên kết (thống kê các hộ, xác định quỹ đất, lôi kéo nhà đầu tư) Tổ chức độc lập (e.g. NGO), xác định quyền lợi và trách nhiệm của hộ với công ty rõ ràng. Bảo vệ quyền lợi của các bên, đặc biệt hộ (nhóm yếu thế)
Quỹ đất từ các công ty lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn quỹ đất tại các công ty lâm nghiệp hiện chưa được sử dụng hiệu quả. Một số diện tích chôn lấp, tranh chấp. Tình trạng phát canh thu tô tại một số lâm trường Tiến trình cổ phần hóa chậm, cản trở và làm mất cơ hội của khối tư nhân tham gia nâng cao sử dụng đất 	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát thực trạng sử dụng đất tại các công ty LN. Đẩy mạnh cổ phần hóa tại các công ty này. Giải phóng, tạo nguồn quỹ đất sạch, ưu tiên giao đất cho các hộ thiếu đất, công nhân lâm trường, lôi kéo sự tham gia của khối tư nhân đầu tư vào đất thông qua thuê đất lâu dài, đấu thầu khai quyền sử dụng đất. Trồng rừng gỗ lớn trên đất 	<ul style="list-style-type: none"> Công nhân lâm trường, các hộ nghèo được giao đất góp đất và lao động cùng với công ty phát triển rừng trồng gỗ lớn theo mong muốn của hộ. Công ty tư nhân đầu tư vốn, khoa học công nghệ, bao tiêu đầu ra sản phẩm cùng với hộ, công ty lâm nghiệp hình thành liên kết trồng rừng gỗ lớn 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi đột phá trong cơ chế chính sách hiện tại nhằm cổ phần hóa công ty lâm nghiệp. Hộ được giao đất mong muốn góp đất cùng với công ty hình thành liên kết Chính quyền giao nguồn đất sạch cho công ty để phát triển rừng trồng gỗ lớn Công ty mong muốn đầu phát triển nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn 	<ul style="list-style-type: none"> Cơ chế, giám sát chặt chẽ trong việc rà soát hiện trạng sử dụng đất, tạo nguồn quỹ đất nhằm lôi kéo đầu tư từ khối tư nhân. Giám sát độc lập, với sự tham gia của bên thứ ba trong tiến trình rà soát, giao đất, cho thuê đất, đảm bảo không có sự lạm dụng chính sách trong các hoạt động Ưu tiên các DN chế biến sâu, sử dụng lao động tại chỗ.
Quỹ đất hiện xã đang quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Hình thức quản lý hiện lỏng lẻo, chủ yếu trên giấy tờ. Thiếu thông tin về thực trạng sử dụng đất. Có tiềm năng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất thông qua đầu tư trồng rừng 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nguồn quỹ đất sạch, lôi kéo khối tư nhân đầu tư trồng rừng gỗ lớn kết hợp với chế biến sâu tại địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương tạo nguồn quỹ đất sạch lôi kéo đầu tư từ khối tư nhân Công ty đầu tư vào trồng rừng gỗ lớn kết hợp chế biến sâu 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi trong các cơ chế chính sách hiện tại, chuyển đổi hình thức quản lý hiện nay từ UBND xã sang hình thức giao cho các chủ rừng thực sự Tạo nguồn quỹ đất sạch, lôi kéo các doanh nghiệp mong muốn đầu tư trồng rừng gỗ lớn 	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát độc lập trong toàn bộ tiến trình từ rà soát đất, giao đất, cho thuê đất. Cơ chế mạnh đảm bảo các hoạt động tạo quỹ đất sạch, đầu tư trồng rừng không có bất cứ tác động tiêu cực nào tới các diện tích rừng tự nhiên hiện có
Quỹ đất từ các diện tích đất trống, rừng suy thoái trong RPH, RĐD	<ul style="list-style-type: none"> Các diện tích đất trống, rừng suy thoái không có khả năng tự phục hồi trong tương lai 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa các diện tích đất này vào phục hồi /phát triển rừng gỗ lớn, kết hợp với cây trồng bản địa theo hướng vừa tạo lợi ích kinh tế, vừa làm giàu rừng 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền địa phương, Ban quản lý RPH, RĐD tạo quỹ đất sạch, lôi kéo đầu tư từ khối tư nhân. Ban quản lý RPH, RĐD liên kết với các công ty tư nhân trong việc phát triển rừng 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi trong cơ chế chính sách hiện tại, cho phép khối tư nhân đầu tư trồng rừng trong RPH, RĐD Cơ chế phân chia lợi ích rõ ràng, minh bạch 	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát độc lập trong toàn bộ tiến trình. Đảm bảo nguyên tắc các hoạt động đầu tư không có sự lạm dụng chính sách, không gây ra bất kỳ tổn hại nào đến nguồn tài nguyên rừng, đa dạng sinh học hiện có

12. Kết luận

Đại dịch COVID-19 làm giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng cao và các doanh nghiệp không chủ động được về nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Điều này đặt ra bài toán mới cho ngành gỗ là làm thế nào để có thể chủ động được nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào trong tương lai. Gỗ rừng trồng trong nước có tiềm năng trong việc thay thế -- ít nhất một phần -- nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Tuy nhiên đến nay vẫn còn nhiều lực cản hạn chế việc tạo gỗ nguyên liệu rừng trồng là gỗ lớn tại Việt Nam. Báo cáo này trình bày thực trạng của sản xuất gỗ nguyên liệu tại Việt Nam. Trọng tâm vào nguồn quỹ đất trồng rừng, Báo cáo chỉ ra các hạn chế trong các mô hình sử dụng đất để trồng rừng hiện nay. Báo cáo chỉ ra khối tư nhân có vai trò tiềm năng trong việc chuyển đổi gỗ rừng trồng từ gỗ nhỏ như hiện nay sang gỗ lớn, có chất lượng có thể thay thế một phần gỗ nhập khẩu. Tuy nhiên để có sự tham gia của khối tư nhân vào phát triển gỗ nguyên liệu rừng trồng, cần có các cơ chế và chính sách đột phá nhằm giảm phóng nguồn quỹ đất hiện đang được hộ, các công ty lâm nghiệp, UBND xã và các BQL rừng nắm giữ. Giải phóng và đưa nguồn quỹ đất này vào trồng rừng gỗ lớn đòi hỏi có sự tham gia, giám sát chặt chẽ của các bên liên quan, bao gồm các cơ quan nghiên cứu, đánh giá độc lập, nhằm đảm bảo không có sự lạm dụng chính sách trong các hoạt động, bảo vệ quyền lợi của các hộ tham gia liên kết và không làm tổn hại đến nguồn tài nguyên rừng, tài nguyên đa dạng sinh học.